TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐB** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Bản án số: 336/2018/HNGĐ- ST Ngày: 30/11/2018 V/v Tranh chấp ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐB – TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Thương;

2. Ông Lò Thanh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Dần - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên .

Ngày 30/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐB, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2018/TLST - HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2018, về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXX - ST ngày 02/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: /2018/TLST - HNGĐ ngày 29/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lò Văn T, sinh năm 1995"có mặt".

Trú tại: Bản NT1, xã NT, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Chị Cầm Thị Đ, sinh năm 1997"vắng mặt".

Trú tại: Bản NT1, xã NT, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở hiện nay: Bản CM1, xã MP, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 23/8/2018 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện ĐB nguyên đơn anh Lò Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và cô Đ sau gần hai năm tìm hiểu chúng tôi đã tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 01/3/2016 tại UBND xã NT, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên. Kết hôn hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vào tháng 7/2018 vợ tôi bỏ đi khỏi nhà, hai bên gia đình đều không biết đi đâu trong khi con tôi mới được 14 tháng tuổi. Khoảng 10 ngày sau tôi mới nghe tin vợ tôi về ở bên nhà ngoại, tuy nhiên vợ tôi cũng vẫn không chịu về nên tôi nghĩ vợ tôi đã không còn tôn trọng tôi và

không còn chung thủy với tôi nữa. Sau đó đến ngày 10/8/2018 vợ chồng tôi cùng hai bên gia đình đã hòa giải, chúng tôi đã thống nhất ly hôn vì chúng tôi không thể hòa hợp được, bản thân cô Đ khi bỏ đi cũng không quan tâm đến con và gia đình. Chúng tôi đã ly thân từ khi cô Đ bỏ đi đến nay cũng đã hơn 06 tháng, từ ngày đó đến nay chúng tôi không quan tâm đến nhau, cô Đ đi đâu làm gì tôi không biết. Tôi xác định rõ tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Đ.

Về con chung:

Anh T khai vợ chồng có một con chung là Lò Văn B sinh ngày 08/6/2017. Hiện nay cháu đang ở cùng tôi. Tuy cháu còn nhỏ nhưng bản thân cô Đ từ khi bỏ đi đến nay không chăm sóc con nên tôi có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu cô Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản:

Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, ruộng đất đều không có.

Tại bản tự khai ngày 27/8/2018 chị Cầm Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T lấy nhau đều tự nguyện, không ai bị ép buộc có đăng ký kết hôn từ năm 2016 tại UBND xã NT, huyện ĐB. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên ngày 28/7/2018 chị Đ đã bỏ đi cho khuây khỏa đến ngày 08/8/2018 thì chị Đ trở về nhà bố mẹ đẻ ở. Do cả hai vợ chồng đều không còn yêu thương nhau nên chị Đ đã nhất trí ly hôn với anh T. Tuy nhiên trong quá trình làm thủ tục ly hôn để ra Tòa án giải quyết thì anh T cũng đã quát mắng chị Đ và dọa không cho chị Đ được thăm con nên chị Đ đã không đồng ý ký đơn ly hôn.

Về con chung:

Chị Đ khai có một con chung là Lò Văn B sinh ngày 08/6/2017, chị và anh T có thỏa thuận trong biên bản thỏa thuận tại gia đình chị Đ đồng ý để anh T nuôi con.

Về tài sản:

Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, ruộng đất đều không có.

Đối với bị đơn Tòa án nhân dân huyện ĐB đã thụ lý vụ án, gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự chị Cầm Thị Đ không có ý kiến gì về nội dung và đã có bản tự khai tại Tòa án vào ngày 28/8/2018. Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra tài liệu, chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng chị Đ không có mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra tài liệu, chứng cứ và không hòa giải, đã thông báo cho các đương sự nội dung phiên họp, ngày 02/11/2018 Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử gửi cho các đương sự tuy nhiên chị Đ không có mặt tại phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã gửi quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228/BLTTDS, điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Cầm Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn anh Lò Văn T, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh T xin ly hôn với chị Đ, chị Đ có hộ khẩu thường trú tại xã NT, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên và có chỗ ở ổn định với bố mẹ đẻ tại bản CM1, xã MP, huyện ĐB đều thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐB theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về điều luật áp dụng:

Anh T và chị Đ lấy nhau năm 2016 nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết. Đối với việc vắng mặt của bị đơn là chị Cầm Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng chị Đ vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị Cầm Thị Đ.

[4]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh T và chị Đ lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung nên anh T và chị Đ cùng xác định không còn yêu thương nhau nữa nên đã nhất trí ly hôn. Tuy nhiên chị Đ đã bức xúc với thái độ của anh T nên trong quá trình hai bên cùng nhau đến Tòa án để giải quyết chị Đ không nhất trí ký đơn và không đến Tòa án để tham gia phiên họp và hòa giải. Trên thực tế kể từ ngày chị Đ bỏ nhà để về bên bố mẹ đẻ ở thì chị Đ đã không quan tâm đến con nhỏ để mặc một mình anh T chăm sóc, đã có thời gian ly thân nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng dẫn đến quan hệ hôn nhân của anh T và chị Đ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được anh T xác định tình cảm của mình với chị Đ không còn nên đã xin ly hôn là phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ý kiến của chị Đ không đồng ý ký đơn ly hôn nhưng trước đó chị cũng đã đồng ý ly hôn và cũng không chứng minh tình cảm cũng như trách nhiệm của người vợ, người mẹ trong gia đình nên Hội đồng xét xử căn Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không chấp nhận yêu cầu của chị Đ.

[5]. Về con chung:

Anh T có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Đ nhất trí giao con cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc và chị vẫn có quyền thăm hỏi đưa đón con khi nhớ.

Tại phiên tòa anh T vẫn có nguyện vọng được nuôi con chung. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình người có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, anh T và chị Đ có một con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, tuy nhiên anh T đang là cán bộ đoàn xã có công việc và thu nhập lương ổn định, chị Đ không có công việc ổn định nhưng về nguyên tắc con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Cháu Lò Văn B từ bé vẫn trực tiếp ở với bố cho đến nay, anh T và chị Đ đã có thỏa thuận là giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Việc thỏa thuận giữa anh T và chị Đ là tự nguyện, nên HĐXX cần chấp chấp nhận và giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[6].Về tài sản:

Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, ruộng đất: Không có.

[7]. Về án phí: Anh Lò Văn T là dân tộc thiểu số thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên được miễn toàn bộ án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;
- Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 84; 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

1- Tuyên xử: Cho anh Lò Văn T được ly hôn chị Cầm Thị Đ.

2- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của anh T, giao con chung là Lò Văn B, sinh ngày 08/6/2017 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: HĐXX không giải quyết.

4- Về án phí: Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết sè 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, anh T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 30/11/2018. Chị Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ.B;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- UBND xã NT;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lường Văn Lương